

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13-7-2021

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

2/- Bà Phạm Thị Kim Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Nguyệt M), sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Đội A, thôn B, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

-Bị đơn: Anh Nguyễn Văn U, sinh năm: 1977 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ D, ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Tạm Trú: 45/1, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai ngày 10/5/2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

-Về hôn nhân: Năm 2003 chị và anh Nguyễn Văn U quen biết nhau đến cuối năm 2003 chị và anh U chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2004. Thời gian đầu chung sống vui vẻ, hạnh phúc và có một con

chung tên là Nguyễn Dương Long N sinh ngày 10/5/2005, nhưng đến năm 2010 cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, có nhiều bất đồng nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau trong công việc, trong cuộc sống không giải quyết được mà ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn nên chị và anh U đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng. Nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

-Về con chung: Có 01 con chung, tên Nguyễn Dương Long N, sinh ngày 10/5/2005. Sau khi ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Tại bản tự khai ngày 15/6/2021 bị đơn anh Nguyễn Văn U trình bày:

Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau năm 2003 anh và chị Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Nguyệt M) tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban Nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi vã bất đồng trong cuộc sống không giải quyết được và chúng tôi sống ly thân từ năm 2012 đến nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

-Về con chung: Anh và chị M có 01 con chung, tên Nguyễn Dương Long N, sinh ngày 10/5/2005. Sau khi ly hôn anh đồng ý cho chị M được quyền nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị M là nguyên đơn trong vụ kiện, anh Nguyễn Văn U là bị đơn trong vụ kiện đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn U.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn U chung sống với nhau vào năm 2003, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh An Giang vào năm 2004. Do vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị M và anh U chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị M và anh U đều trình bày là do không hợp nhau trong công việc, bất đồng trong cuộc sống không giải quyết được mà ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, nay mỗi người đã có cuộc sống riêng. Xét thấy, thời gian ly thân từ năm 2012 cho đến nay hai bên không có

thiện chí hàn gắn quan hệ tình cảm, nay mỗi người đã cuộc sống riêng nên khả năng hàn gắn là không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị M và anh U có 01 con chung tên Nguyễn Dương Long N, sinh ngày 10/5/2005, sau khi ly hôn chị M xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tại tờ tự khai và đơn xin vắng mặt anh U đồng ý để cho chị M được tiếp tục nuôi con chung. Tại văn bản ngày 10/5/2021 cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, nghĩ nên để cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị M không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí*: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Nguyệt M).

Chị Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Nguyệt M) được ly hôn với anh Nguyễn Văn U. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 42 ngày 26/11/2004 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Dương Long N, sinh ngày 10/5/2005. Anh Nguyễn Văn U không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền tới lui, thăm nom con chung cho anh U, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002726 ngày 18/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo:Chị Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Nguyệt M) và anh Nguyễn Văn U được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

5.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kim Hoa